

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/8/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Sông
2. Ông Doãn Huy Giáp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tổng Thị Nghĩa - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Hồng N; CCCD: 008194010823; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Mạnh T; CCCD:002088001916; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: SN 28, đường Trần Hưng Đ, tổ 03, phường T, thành phố H, tỉnh H; địa chỉ mới: SN 28 Trần Hưng Đ, tổ dân phố 03 T, phường H 2, tỉnh Tuyên Quang

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2025; bản tự khai ngày 09/6/2025; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng N, trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Mạnh T kết hôn ngày 12/11/2013, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh H (cũ), kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống đến kinh tế, anh T không tu chí làm ăn mọi việc trong gia đình một mình chị gánh vác, khi nói đến kinh tế hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, anh T thường xuyên đi chơi đến 2-3 giờ sáng mới về nhà như người còn độc thân, chị đã nhiều lần nhắc nhở anh T về lối sống và cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Hiện nay, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị khẳng định không còn tình cảm với anh T, hai anh chị đã sống ly thân. Vì vậy, chị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị N xác nhận chị và anh T có một con chung là cháu Hoàng Kim Ngân, sinh ngày 04/3/2014. Ly hôn chị N đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Kim Ncho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Theo bản tự khai ngày 12/6/2025; trong quá trình tố tụng bị đơn anh Hoàng Mạnh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và quá trình phát sinh mâu thuẫn gia đình. Anh T xác nhận mâu thuẫn phát sinh đỉnh điểm vào khoảng 06 tháng nay. Nguyên nhân do bản thân anh chưa quan tâm đến vợ con, còn việc chị N trình bày anh thường xuyên đi chơi đến 2-3 giờ sáng là không đúng. Với mâu thuẫn như hiện nay anh nhận thấy rằng vợ chồng cần có thời gian để cùng nhau ngồi lại bàn bạc, trao đổi lại chuyện tình cảm vì hiện tại anh vẫn yêu thương vợ con. Nay, chị N đề nghị ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị N.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị N có một con chung là cháu Hoàng Kim Ngân, sinh ngày 04/3/2014. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh đề nghị anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ncho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh có đủ điều kiện, môi trường, kinh tế, thời gian chăm sóc con tốt hơn chị N. Không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự nhưng các đương sự không thống nhất thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh T đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

** Đại diện Viện Kiểm sát khu vực 4 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Điều 48; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: TAND khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Áp dụng Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTTDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị HĐXX:

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Hồng N về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Hồng N được ly hôn với anh Hoàng Mạnh T.

- Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị Hồng N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Kim Ngân, sinh ngày 04/3/2014 cho đến khi cháu Nhũ 18 tuổi. Anh Hoàng Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con và cùng có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Ngô Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Mạnh T; địa chỉ: SN 28, đường Trần Hưng Đ, tổ 03, phường T, thành phố H, tỉnh H; địa chỉ mới: SN 28 Trần Hưng Đ, tổ dân phố 03 T, phường H 2, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 205; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 và điều 5,6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Ngô Thị Hồng N khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng Mạnh T và yêu cầu được nuôi con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên toà anh Hoàng Mạnh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[4]. Về nội dung: Chị Ngô Thị Hồng N và anh Hoàng Mạnh T kết hôn ngày 12/11/2013, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh H (Cũ), kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân gia đình 2014 quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

[5]. Lý do chị N xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm từ lối sống đến vấn đề kinh tế, anh T không tu chí làm ăn mọi việc trong gia đình một mình chị gánh vác, nhắc đến kinh tế vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, anh T thường xuyên đi chơi về muộn tới 2-3 giờ sáng như người còn độc thân. Chị N đã nhiều lần nhắc nhở cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Hiện nay, chị và anh T đã ly thân, chị không còn tình cảm với anh T, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

[6]. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cho rằng, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn như chị N trình bày một phần do lỗi của anh chưa quan tâm đến gia đình, anh vẫn luôn yêu thương vợ con, mâu thuẫn giữa anh và chị N chưa tới mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

[7]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp, bởi lẽ: Quá trình chung sống chị N và anh T đã để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, mọi việc gia đình một mình chị N phải gánh vác. Chị N đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh T không thay đổi, tình trạng mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài, hiện nay chị N không còn tình cảm với anh T, hai anh chị đã ly thân. Bản thân anh T xác nhận thời gian qua anh cũng có lỗi làm ảnh hưởng đến gia đình. Điều 19- Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*”, nhưng quan hệ hôn nhân của hai anh chị không đáp ứng được theo quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về tình nghĩa vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Toà án tiến hành mở phiên hoà giải để hai bên đương sự có điều kiện tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Mặc dù anh T trình bày mâu thuẫn vợ chồng anh chưa tới mức trầm trọng, không muốn ly hôn, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh không có giải pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc, hai anh chị vẫn sống ly thân.

[8]. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh T tại nơi cư trú, kết quả xác định được: Tổ nhân dân xác nhận chưa phải hòa giải về mâu

thuần của vợ chồng chị N anh T. Hiện nay, chị N và cháu N đã đi ở nơi khác, không chung sống cùng nhà với anh T.

[9]. Căn cứ biên bản làm việc ngày 26/6/2025 tại cơ quan Quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em và biên bản xác minh trình trạng hôn nhân, đã xác định được cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống chung của chị N và anh T cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được.

[10]. Căn cứ vào nhận định tại các mục [4], [5], [6], [7], [8], [9], xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Hồng N đối với anh Hoàng Mạnh T.

[11]. Về con chung: Chị N và anh T cùng thống nhất xác nhận anh, chị có 01 con chung là cháu Hoàng Kim Ngân, sinh ngày 04/3/2014. Ly hôn chị N và anh T cùng đề nghị là được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngân, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[12]. Xét yêu cầu đề nghị nuôi cháu N của chị N là phù hợp, bởi lẽ: Hiện tại, cháu N đang sinh sống, học tập cùng chị N. Cháu N còn nhỏ, là con gái, tại thời điểm xét xử cháu gần 11 tuổi, chuẩn bị bước vào độ tuổi dậy thì, có những thay đổi mạnh mẽ về thể chất, tâm lý nên cần được sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Theo công văn số 79 ngày 12/8/2025, của bệnh viện đa khoa H xác nhận hiện nay chị N có công việc, thu nhập ổn định và thời gian để chăm sóc cháu Ngân. Ngoài ra tại biên bản ghi nguyện vọng con chung cháu N có ý kiến nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

[13]. Về việc anh T đề nghị được nuôi cháu Ngân, Tòa án đã yêu cầu anh T cung cấp tài liệu chứng minh điều kiện về chỗ ở, kinh tế, môi trường, thời gian chăm sóc con chung, nhưng hết thời hạn quy định anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ.

[14]. Căn cứ điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của cháu N cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con chung, giao cháu Hoàng Kim N sinh ngày 04/3/2014 cho chị Ngô Thị Hồng N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[15]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[16]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[17]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[18]. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 BLTTDS; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của HĐTP TANDTC; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Hồng N về việc: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Hồng N được ly hôn với anh Hoàng Mạnh T.

3. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị Hồng N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Kim Ngân, sinh ngày 04/3/2014 cho đến khi cháu Nhũ 18 tuổi. Anh Hoàng Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con và cùng có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H (Cũ), biên lai số 0000658 ngày 27 tháng 5 năm 2025.

6 Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND KV4-TQ;
- Các đương sự;
- THADS T.TQ;
- UBND P.H 2
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng N Sông + Doãn Huy Giáp

Lê Thị Thanh Bình